TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN CẦU GIẤY THÀNH PHỐ HÀ NỘI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **109**/2022/HSST
Ngày: 31/5/2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN CẦU GIẤY - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Thu Hằng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Văn Hạnh.

Bà Đặng Thị Cẩm Thúy.

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Hà Hùng Cường - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Cầu Giấy tham gia phiên toà: Bà Vũ Thị Phương Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 5 năm 2022 tại Tòa án nhân dân quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 58/2022/TLST-HS ngày 05/4/2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 75/2022/QĐXXST-HS ngày 13/4/2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 27/2022/HSST-QĐ ngày 28/4/2022 và Thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa số 12/TB-TA ngày 09/5/2022, đối với:

Nguyễn Tiến C, sinh năm 1975; Nơi ĐKHKTT: Tập thể trường L Q Đ, số 195 X Đ 2, phường N Đ, quận Đ Đ, Thành phố H N; Chỗ ở trước khi bị bắt: B1 – Ehome 4, phường V P, thành phố T A, tỉnh B D; Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ văn hoá: 10/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn P (c) và bà Nguyễn Thị T; Tiền án, tiền sự: Không. Danh bản, chỉ bản số 635 ngày 22/10/2021 do Công an quận C G lập. Hiện bị cáo đang bị bắt tạm giữ, từ ngày 22/10/2021 tại trại tạm giam số 01, Công an Thành phố H N. Bị cáo có mặt tại phiên toà.

Bị hại: Anh Phạm Anh D, sinh năm 1970 (Có mặt)

Trú tại: P804, B5 L Q t T L, phường D V, quận C G, TP.H N.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Anh Phạm Hải A, sinh năm 1972 (Vắng mặt)

Nơi cư trú: Tổ 5 cụm 1, phường N H, quận B Đ, TP. H N.

- Anh Nguyễn Hoài S, sinh năm 1967 (Vắng mặt)

Nơi cư trú: P902, chung cư số 27, phố L T, phường V T, quận H B T, TP.H N.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do cần tiền vào Thành phố H C M làm ăn nên Nguyễn Tiến C nảy sinh ý định chiếm đoạt xe ô tô của anh Phạm Anh D (Sinh năm 1970; Trú tại: P804, B5, L q t T L, phường D V, quận C G, TP. H N) rồi bán lấy tiền. Tối ngày 14/3/2009, C điện thoại cho anh Phạm Anh D hỏi mượn xe ô tô để đi lễ ở L S và hẹn ngày 15/3/2009 sẽ trả xe, anh D đồng ý và bảo C đến nhà anh D ở B5, L q t T L, D V, C G, H N lấy xe. Khoảng 22h cùng ngày, anh D cùng em trai là anh Phạm Hải A (Sinh năm 1972; HKTT: Tổ 5, cụm 1, N H, B Đ, H N) xuống sân nhà B5, L q t T L gặp C. Anh D đưa chìa khóa xe và cho C mượn chiếc xe ô tô nhãn hiệu Toyota Inova G, BKS: 29Y – 4565 cùng giấy đăng ký xe, sổ đăng kiểm, giấy chứng nhận bảo hiểm xe đều mang tên anh Phạm Hải A. Sau khi mượn được xe ô tô, ngày 15/3/2009, C điều khiển xe đi tìm chỗ bán. Khoảng 14h cùng ngày, khi đang rửa xe ở phố L T, phường V T, H B T, H N thì C gặp anh Nguyễn Hoài S (Sinh năm 1967; Trú tại: P902, chung cư số 27, phố L T, V T, H B T, H N), là người quen của C. C nói với anh S là xe ô tô C mua của bạn và muốn bán. Anh S đồng ý mua và bảo C lái xe về gara xe ô tô của anh S tại số 46 phố L T để kiểm tra xe. Sau khi kiểm tra xe thấy giấy đăng ký xe, sổ đăng kiểm, giấy chứng nhận bảo hiểm xe trùng khớp với số khung, số máy của xe nên anh S đồng ý mua xe với giá 410.000.000 đồng. Anh S trả tiền mua xe, C giao xe và các giấy tờ xe cho anh S. Do xe không phải tên chính chủ của C nên hai bên chỉ viết giấy mua bán xe và C hẹn thứ hai (Ngày 16/3/2009) cùng anh S đi làm thủ tục công chứng mua bán xe. Sau khi bán được xe, C tắt máy điện thoại và bỏ trốn vào Thành phố H C M.

Đối với anh Phạm Anh D, đến tối ngày 15/3/2009, không thấy C mang xe về trả, gọi điện thoại thì C tắt máy nên anh D đến nhà C ở địa chỉ số 72, ngõ 508, L H, Đ Đ, H N và gặp chị Lê Lệ H (là vợ của C), chị H nói không đi lễ cùng C và C đi từ ngày 14/3/2009 chưa về. Ngày 20/3/2009, anh D đến Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an Thành phố H N trình báo.

Đối với anh Nguyễn Hoài S, chiều ngày 16/3/2009 không thấy C đến để đi làm thủ tục công chứng mua bán xe, gọi điện thoại thì C tắt máy nên anh S cũng đến nhà C và gặp chị H, chị H nói C không có xe ô tô, chiếc xe ô tô C bán cho anh

S là xe C mượn của anh D và anh D cũng đang tìm C để yêu cầu C trả xe. Lúc này anh D mới biết chiếc xe ô tô trên là do C chiếm đoạt được rồi bán cho anh D.

Ngày 27/3/2009, anh S giao nộp chiếc xe ô tô nhãn hiệu Toyota Inova G, BKS: 29Y – 4565 cùng các giấy tờ xe cho Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an Thành phố H N.

Ngày 24/4/2009, Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an Thành phố H N ra Quyết định xử lý vật chứng, trao trả cho anh Phạm Anh D chiếc xe ô tô nhãn hiệu Toyota Inova G, BKS: 29Y – 4565 cùng giấy đăng ký xe, sổ đăng kiểm, giấy chứng nhận bảo hiểm xe đều mang tên Phạm Hải A. Anh D đã nhận lại xe và không có yêu cầu gì khác.

Kết luận định giá số 1519/TCKH-BBĐGHĐ ngày 21/4/2009 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố H N kết luận: Ô tô Toyota Inova G trị giá 360.000.000 đồng.

Ngày 30/7/2009, Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an quận C G ra Quyết định truy nã đối với Nguyễn Tiến C.

Ngày 21/10/2021, Nguyễn Tiến C đến Công an phường N C T, Quận 1, Thành phố H C M đầu thú.

Ngày 22/10/2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an quận C G ra Quyết định đình nã đối với Nguyễn Tiến C.

Ngày 12/01/2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an quận C G ra Quyết định trưng cầu giám định chữ ký, chữ viết của Nguyễn Tiến C trên giấy bán xe cho anh Nguyễn Hoài S ngày 13/3/2009.

Kết luận giám định số 941 ngày 28/01/2022 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an Thành phố H N kết luận: Chữ viết, chữ ký đứng tên Nguyễn Tiến C trên mẫu cần giám định với chữ viết, chữ ký đứng tên Nguyễn Tiến C trên các mẫu so sánh là chữ do cùng một người viết và ký ra.

Tại Cơ quan điều tra, Nguyễn Tiến C khai nhận hành vi phạm tội như nội dung nêu trên. Lời khai nhận tội của C phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và các tài liệu có trong hồ sơ.

Anh Nguyễn Hoài S yêu cầu C bồi thường số tiền 600.000.000 đồng, bao gồm: Tiền mua xe là 410.000.000 đồng; Tiền lãi 13 năm (tính theo lãi suất ngân hàng) là 190.000.000 đồng *(Một trăm chín mươi triệu đồng).*

Cáo trạng số 54/CT-VKSCG ngày 04/3/2022 của Viện kiểm sát nhân dân quận C G truy tố Nguyễn Tiến C về tội *"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"* theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận C G giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo, đề nghị áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174; điểm b, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015 đối với bị

cáo Nguyễn Tiến C, xử phạt bị cáo C mức án từ 07 năm 06 tháng (Bảy năm sáu tháng) đến 08 năm (Tám năm) tù. Xét bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, không có khả năng thi hành hình phạt bổ sung bằng tiền nên không áp dụng hình phạt bổ sung quy định tại khoản 5 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

Về dân sự: Buộc bị cáo Nguyễn Tiến C phải hoàn trả cho anh Nguyễn Hoài S số tiền 410.000.000 *(Bốn trăm mười triệu đồng)*. Anh Nguyễn Hoài S được nhận lại số tiền 70.000.000 đồng *(Bảy mươi triệu đồng)* mà bị cáo Nguyễn Tiến C đã nộp theo biên lai thu tiền số 13486 ngày 27/4 2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận C G, Thành phố H N. Như vậy, bị cáo còn phải tiếp tục trả anh Nguyễn Hoài S số tiền 340.000.000 đồng *(Ba trăm bốn mươi triệu đồng)*.

Không chấp nhận yêu cầu của anh Nguyễn Hoài S về tính lãi suất 190.000.000 đồng *(Một trăm chín mươi triệu đồng)* đối với bị cáo.

Bị cáo phải chịu án phí theo quy định.

Tại phiên toà: Bị cáo khai như đã khai tại cơ quan điều tra, thừa nhận hành vi do mình thực hiện là phạm tội, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt. Bị hại tại phiên tòa không có yêu cầu bồi thường dân sự đồng thời xin Hội đồng xét xử xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo Nguyễn Tiến C trình bày lời nói sau cùng: Bị cáo nhận thức hành vi của mình là vi phạm pháp luật, bị cáo đã ăn năn hối hận và mong muốn được sự khoan hồng để có điều kiện cải tạo thành công dân có ích cho xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra – Công an quận C G, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân quận C G, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đã khai báo thành khẩn và không có khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

[2] Xét lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, biên bản tạm giữ đồ vật, bản kết luận định giá, lời khai người làm chứng cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ và nội dụng bản cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Khoảng 22 giờ ngày 14/3/2009, Nguyễn Tiến C có hành vi gian dối và đã chiếm đoạt chiếc xe ô tô nhãn hiệu Toyota Inova G, BKS: 29Y – 4565 trị giá

360.000.000 đồng (*Ba trăm sáu mươi triệu đồng)* cùng các giấy tờ xe đều mang tên Phạm Hải A của anh Phạm Anh D tại sân nhà B5, L q t T L, phường D V, C G, H N rồi mang bán cho anh Nguyễn Hoài S được 410.000.000 đồng (*Bốn trăm mười triệu đồng)*, sau đó bỏ trốn.

Hành vi nêu trên của Nguyễn Tiến C đã đủ yếu tố cấu thành tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật Hình sự như cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát nhân dân quận C G là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật hình sự bảo vệ.

[3] Nhận xét về nhân thân và lượng hình đối với bị cáo: Hành vi phạm tội của bị cáo là đặc biệt nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến tài sản hợp pháp của người khác, làm ảnh hưởng xấu đến trật tự, an toàn xã hội nên Hội đồng xét xử thấy cần phải có mức án nghiêm khắc, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian, để đảm bảo sức răn đe phòng ngừa tội phạm và giáo dục bị cáo.

Tuy nhiên, khi lượng hình Hội đồng xét xử cũng xem xét, tại cơ quan điều tra, tại phiên tòa bị cáo đều thành khẩn nhận tội, ăn năn hối cải, nên cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Quá trình điều tra bị cáo cũng đã tác động đến người thân trong gia đình tích cực bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả với số tiền 70.000.000 đồng *(Bảy mươi triệu đồng)* theo biên lai thu tiền số 13486 ngày 27/4/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận C G nên cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Về nhân thân lần phạm tội này là lần đầu nhưng do thiếu hiểu biết pháp luật, muốn có được tài sản ngay tức khắc nên bị cáo đã phạm tội. Ngày 21/10/2021, bị cáo đã đến đầu thú tại Công an phường N C T, quận 1, Thành phố H C M mong nhận được sự khoan hồng của pháp luật, quá trình điều tra và tại phiên tòa bị hại cũng đã có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Ngoài ra cha đẻ của bị cáo là ông Nguyễn Văn P (c) được tặng thưởng nhiều Huân huy chương và Bằng khen nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng mức hình phạt tù đối với bị cáo là có căn cứ và phù hợp với pháp luật. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo là có căn cứ phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[4] Về vật chứng: Không.

[5] Về dân sự: Hội đồng xét xử xét thấy giao dịch dân sự giữa bị cáo và anh Nguyễn Hoài S là giao dịch dân sự bị vô hiệu do vi phạm điều cấm, chiếc xe ô tô không phải của bị cáo nên không thể là đối tượng chuyển nhượng. Anh Nguyễn Hoài S không kiểm tra xem xét giấy tờ mà đồng ý mua nên anh S cũng có lỗi dẫn đến hợp đồng vô hiệu. Do vậy, cần khôi phục lại trình trạng ban đầu, buộc bị cáo

phải hoàn trả cho anh S số tiền đã nhận 410.000.000 *(Bốn trăm mười triệu đồng)* và không có căn cứ yêu cầu bị cáo phải bồi thường số tiền lãi trên số tiền 410.000.000 *(Bốn trăm mười triệu đồng)* như anh S khai do giao dịch mua bán xe là trái pháp luật và hai bên không thỏa thuận về yêu cầu này khi giao dịch. Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu của anh Nguyễn Hoài S về tính lãi suất 190.000.000 đồng *(Một trăm chín mươi triệu đồng)* đối với bị cáo.

Ghi nhận sự tự nguyện bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả 70.000.000 đồng *(Bảy mươi triệu đồng)* của bị cáo Nguyễn Tiến C đã nộp theo biên lai thu tiền số 13486 ngày 27/4/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận C G, Thành phố H N.

[6] Về án phí: Áp dụng Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Buộc bị cáo phải chịu 200.000 đồng *(Hai trăm nghìn đồng)* án phí hình sự sơ thẩm và 17.000.000 đồng *(Mười bảy triệu đồng)* án phí dân sự sơ thẩm.

[7] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: **Bị cáo Nguyễn Tiến C phạm tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản.**

- Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174; điểm b, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 260 Bộ luật tố tụng hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Tiến C **07 năm 06 tháng *(Bảy năm sáu tháng)* tù** về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản". Thời hạn tù tính từ ngày 22/10/2021

2. Về xử lý vật chứng: Không.

3. Về dân sự: Buộc bị cáo Nguyễn Tiến C phải hoàn trả cho anh Nguyễn Hoài S số tiền 410.000.000 *(Bốn trăm mười triệu đồng)*. Anh Nguyễn Hoài S được nhận lại số tiền 70.000.000 đồng *(Bảy mươi triệu đồng)* mà bị cáo Nguyễn Tiến C đã nộp theo biên lai thu tiền số 13486 ngày 27/4 2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận C G, Thành phố H N. Như vậy, bị cáo còn phải tiếp tục trả anh Nguyễn Hoài S số tiền 340.000.000 đồng *(Ba trăm bốn mươi triệu đồng)*.

Không chấp nhận yêu cầu của anh Nguyễn Hoài S về việc buộc bị cáo C bồi thường số tiền lãi 190.000.000 đồng *(Một trăm chín mươi triệu đồng)*.

4. Về án phí: Áp dụng Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Nguyễn Tiến C phải chịu 200.000 đồng *(Hai trăm nghìn đồng)* án phí hình sự sơ thẩm và 17.000.000 đồng *(Mười bảy triệu đồng)* án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015:

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt bị cáo.

Bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn **15 (Mười lăm)** ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị hại có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn **15 (Mười lăm)** ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết tại trụ sở UBND nơi họ cư trú.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo về những vấn đề trực tiếp liên quan đến quyền lợi và nghĩa vụ của mình trong thời hạn **15 (Mười lăm) ngày** kể từ ngày nhận được Bản án hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dânTP. Hà Nội;
- Viện kiểm sát nhân dânquận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội;
- Sở Tư pháp TP. Hà Nội;
- Thi hành án hình sự;
- Bị cáo; bị hại; người tham gia tố tụng;
- Lưu Hồ sơ, lưu văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Thị Thu Hằng